

Tìm trong di sản,

phục dựng điện Kính Thiên

HOÀNG GIÁP - NGUYỄN DOÃN TUÂN

Trước nay, đã có nhiều thuyết, nhiều bản đồ, nhiều sách nói thời kỳ tiền Thăng Long và cả về thành Thăng Long cổ truyền. Tuy nhiên, xác định phạm vi của thành Thăng Long qua các thời kỳ một cách chính xác vẫn đang là một vấn đề nan giải. Về phạm vi quy mô kiến trúc của thành Thăng Long; mối quan hệ giữa thành và thị; giữa thành và đê; giữa đê và thành; giữa thành và cung điện là những vấn đề lý thú cần được nghiên cứu sâu qua các thư tịch và khảo sát điền dã. Theo sách *Thăng Long cổ tích khảo tịch hội đồ* cho biết: "La Thành là tên gọi chung. Thành ngoài gọi là Đại La chu vi 7768 tầm (mỗi tầm bằng 8 thước ta). Thành có 28 cửa ô; các cửa đó ở Vĩnh Xương nay đổi là Thọ Xương, ở Quảng Đức nay đổi là Vĩnh Thuận. Thời Đinh Tiên Hoàng (970 - 979) gọi là Đạo. Thời Lê Đại Hành (980 - 1005) gọi là Lộ. Đầu năm Thuận Thiên đời Lý Thái Tổ (1010) chuyển kinh đô từ Hoa Lư ra đây do có con rồng vàng hiện ra ở thuyền rồng nên gọi là thành Thăng Long. Dừng tại phủ Phụng Thiên xây dựng kinh đô, kiến tạo cung điện. Xây 4 cửa thành gọi là tứ môn. Phía Đông gọi là cửa Tường Phù. Phía

Tây gọi là cửa Diệu Đức. Phía Nam gọi là cửa Đại Hưng. Phía Bắc gọi là cửa Quảng Phúc. Vào năm Thiên Thành thứ 2 (1029) lại xây thành đất vây xung quanh chu vi một vòng gọi là Phượng Thành. Thời Trần cũng gọi như thế. Năm Thiệu Bảo (1279) gọi là Trung Kinh và hoạch định các phường ở hai bên tả hữu kinh thành cả thảy 61 phường, đặt ty Bình Bạc. Đặt 4 cửa La Thành gọi là Tứ Uy, đặt 4 cửa Phượng Thành gọi là Tứ Xương. Quan quân thay nhau canh giữ. Thành trong gọi là Long Phượng thành. Thời Hồ (1400 - 1407) gọi là Đông Đô. Thời Minh gọi là thành Đông Quan. Lê Thái Tổ gọi là Đông Kinh, lại gọi là Đông Đô, vì Thanh Hoa gọi là Tây Đô nên Thăng Long là Đông Đô. Đầu năm Quang Thuận triều Lê Thánh Tông (1460 - 1497) xây thành Đại La theo quy chế thời Lý - Trần mở rộng Phượng Thành đến 8 dặm".

Nếu theo sách này, thì lúc đầu Hoàng thành được xây theo nguyên tắc bốn cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Cung điện ở giữa theo thế Nam tiền triều, Bắc hậu chẩm, chính giữa là Tử cung hay Tử vi cung, Thái cực điện, Hoàng cực điện. Về điểm này, thiên Quan Thư trong *Sử ký* của Tư

Mã Thiên đã ghi: Bấy giờ thiên văn đem chia tinh tượng thành 5 khu gọi là Ngũ cung: Đông cung, Tây cung, Nam cung, Bắc cung và Trung cung. Trung cung là vùng sao Bắc Đẩu. Bằng tư tưởng thiên nhân hợp nhất, người ta cho rằng Thiên đế ngự ở Tử cung hay Tử vi cung. Trong cung có ngôi sao sáng nhất gọi là sao Thiên cực hay sao Bắc cực tượng trưng cho Thái nhất (Thiên đế). Thiên đế ở Tử cung thì Hoàng đế nhân gian cũng ở Tử cung. Khi xây dựng thành Hàm Dương và cung Hàm Dương, Tần Thủy Hoàng đế đã triệt để tuân theo tư tưởng ngũ hành. Cũng từ đó Hoàng thành và Hoàng cung của Trung Quốc dù xây ở địa điểm nào cũng theo nguyên tắc này. Thành cổ Hà Nội, kinh đô Huế của chúng ta thực chất cũng được bố cục theo nguyên tắc ngũ hành.

Khi đến Thăng Long, Lý Thái Tổ đã lợi dụng triệt để địa thế cao của Đại La, có đê ngăn nước, có núi có sông "nội khí tràn đầy, ngoại thế mở rộng". Hoàng cung nhà Lý là trung tâm của thành Thăng Long, tiền án có Long Đọi sơn, hậu chẩm có Tam Đảo sơn, Thanh Long có Yên Tử sơn, Bạch hổ có Tản Viên sơn. Trong Hoàng thành có Nùng sơn ở giữa. Sách *Thăng Long cổ tích khảo* chép: "Núi Nùng ở chính giữa kinh thành có tên gọi là Long Đồi. Núi hình tròn, đỉnh núi bằng phẳng cây cối um tùm gắn với Tây Hồ, phía sau có núi Tam Sơn làm gối, sơn thủy hữu tình là thắng cảnh của đô thành. Lý Thái Tổ định đô đã lấy núi Nùng làm án xây chính điện trên núi này. Thường có đôi hạc bay đến nhảy múa ở nơi vua ngự..."

Như vậy, Tử cung hay điện Thái cực được xây ở núi Nùng. Kể từ núi Nùng trở về phía Nam gọi là tiền triều, từ núi Nùng về phía Bắc là hậu tẩm. Theo thuyết âm dương ngũ hành thì tiền triều là dương động ở phía Nam thuộc hoả vượng. Cung điện ở tiền triều đều to lớn uy nghi biểu tượng cho uy thế, uy lực của thiên tử. Đây là nơi thi hành chính sự. Hậu tẩm ở phía sau núi Nùng là âm tĩnh, quy mô nhỏ hơn nhưng lại ấm cúng. Hậu tẩm ở về phía Bắc tông thủy nên chủ ẩn tàng nghỉ ngơi. Sách *Thăng Long cổ tích khảo* đã ghi về vị thế của khu vực thành Thăng Long như sau:

*Thăng địa nước Đại Nam
Nội khí sung tràn đầy
Thăng Long thành hùng vĩ
Sông Tô uốn sau phải*

*Tam giang lượn phía sau
Núi Nùng toạ chính trung
Song ngư châu phía trước
Muôn sao đều châu lại
Núi Tản chắn Tây Bắc
Muôn dòng cùng đổ về
Tam Đảo quây Đông Bắc
Cửu trùng an thánh vị
Bên phải núi trùng trùng
Ngàn năm phúc nổi dài
Bên trái sông nhàng nhện
Không phơi pha mai một
Ngoại thế tầm mở rộng
Mãi cùng với đất trời.*

Theo nguyên tắc này Đông phương tông mộc, tượng mùa xuân, chủ sinh. Bởi vậy ở phía Đông của Hoàng cung xây dựng các cung điện thuộc lĩnh vực văn hoá, văn trị như lại khoa, lễ khoa, hộ khoa. Cũng ở phía Đông của Hoàng cung còn có tổ miếu "Tả tổ miếu, hữu xã Đàn". Đông phương thuộc mộc chủ sinh hoá, con người đều nhờ vào tổ tông mà phần diễn sinh hoá nên tổ miếu phải xây ở phía Đông. Cũng ở phía Đông còn tổ chức nhiều lễ tế cầu cho sự phát triển sinh sôi nảy nở của Hoàng tộc và muôn dân. Lễ tiến xuân Ngưu đã từng diễn ra từ thời Lý đến các đời Trần, Lê. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* mục "Lễ Nghi chí" của Phan Huy Chú chép: "Trước tiết lập xuân một ngày, Bộ Công cho rước một con trâu bằng đất nung đến đàn ở phường Đồng Hà (tức khu vực đền Bạch Mã cửa Đông Hà Nội). Đúng tiết lập xuân, Phủ Doãn phủ Phụng Thiên và quan huyện Thọ Xương, Quảng Đức lấy cành dâu đánh vào con trâu đất rước vào điện vua làm lễ. Lễ cầu thời tiết thuận hoà, mùa màng bội thu, con người khoẻ mạnh".

Đây là đại lễ không thể thiếu được của vua tôi triều thần một nước làm nông nghiệp.

Cũng theo nguyên tắc này, Tây phương tông kim, tượng mùa thu không phát triển, chủ sát. Bởi vậy, ở phía Tây của Hoàng cung là cung điện thuộc lĩnh vực binh hình võ bị như trung thư khoa, binh khoa, hình khoa.

Phía Tây thành Thăng Long xưa và nay vẫn còn trại Giảng Võ nơi luyện quân của triều đình. ở trại Kim Mã vẫn còn nơi hành quyết các tội nhân và nghĩa địa chôn cất họ. Hàng năm cứ đến mùa thu, mùa thuộc kim, vạn vật không phát triển, chủ sát thì các tử tù bị đem ra Kim

Mã để hành quyết.

Sinh Đông tử Tây, văn Đông võ Tây. Khi thiết triều cũng theo luật này. Mỗi khi thiết triều tại điện Thái Hoà thì cứ an bài văn Đông, võ Tây. Quan văn chầu bên Đông, bên tả; quan võ chầu về Tây, bên hữu. Quan văn đi theo cửa Đông văn lâu (cửa Sùng Văn); quan võ đi theo cửa Tây vũ lâu (cửa Tuyên Vũ), bên cạnh Ngọ Môn mà vào. Khi xuất chinh, quân đội cũng đi theo cửa vũ lâu ấy.

Theo thuyết ngũ hành thì Đông phương thuộc mộc màu xanh; Tây phương thuộc kim màu trắng; Nam phương thuộc hoả màu đỏ; Bắc phương thuộc thuỷ màu đen, Trung ương thuộc thổ màu vàng.

Hoàng cung cũng tuân theo màu sắc ấy mà xây dựng các công trình kiến trúc. Cung thất ở giữa thường tường màu hồng, ngói màu vàng. Cung thất ở phía Đông thường lợp ngói màu lục, màu xanh vì vậy còn gọi là Thanh cung là cung của hoàng tử cư trú. Cửa Bắc còn gọi là cửa Thần Vũ nên tường xây bằng đá hay chất liệu màu xám. Cung thất ở cửa Bắc như Văn uyển các, thư phòng, nhà ăn... đều lợp ngói màu đen. Màu đen, màu xám tượng thuỷ khắc hoả tránh mọi hoả tai cho cung điện. Vùng ngoại ô cửa Bắc kinh thành thường lập đền thờ Trấn Vũ, thần bảo vệ phương Bắc, thần biểu tượng Nhâm Quý Thuỷ - Nguyên thuỷ nguồn nước vô tận mà không có lửa nào chiến thắng được. Chính vì vậy, thần sẽ giúp kinh thành ngăn hoả tai. Ngoài ra, thần còn giúp ngăn ngừa giặc dã và các loại thiên tai dịch bệnh khác. Hiện tại ngoài cửa Bắc thành Hà Nội vẫn còn đền thờ Trấn Vũ là một trong Thăng Long tứ trấn.

Như vậy là, thành Thăng Long chính là khu vực có vị thế địa đẹp nhất, cao ráo mà thoáng đãng, tiện lợi thế núi sau sông trước, đúng như lời tuyên ngôn của Lý Công Uẩn: "Đây là khu trung tâm của trời đất, xem khắp nước Việt nơi đây là thắng địa". Điện Kính Thiên dựng trên núi Nùng là vị trí trung tâm của trung tâm có ưu thế tuyệt đối về mọi mặt: Chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, giao thông... đảm nhiệm vai trò trung ương của toàn bộ khu vực thành và cửa cả nước.

Như vậy thời Lý trên nền điện Kính Thiên hiện nay đã xây dựng điện Càn Nguyên làm nơi thiết triều. Năm 1029 điện Càn Nguyên

được tu bổ và mở rộng đổi tên là điện Thiên An rồi điện Phụng Thiên; thời Trần trên khu đất điện Phụng Thiên cho xây điện Thiên An, Bác Giác và Diên Hiên để làm việc, thiết triều và yến tiệc; thời Lê trên nền điện Càn Nguyên (Thiên An, Phụng Thiên) đã xây dựng điện Kính Thiên làm nơi thiết triều; thời Nguyễn điện Kính Thiên được tu bổ. Năm 1886 thực dân Pháp đã phá điện Kính Thiên để xây nhà ban chỉ huy pháo binh. Hiện nay, chỉ còn nền điện và thềm rồng thời Lê sơ.

Sách sử ghi về thời Lý và thời Trần không nhiều nhưng chỉ biết điện Càn Nguyên và điện Thiên An chủ yếu là nơi thiết triều.

Tên điện Kính Thiên chính thức có từ thời Lê sơ. Đây là nơi thiết triều và ban bố các sắc lệnh và cũng từ đây các quan trụ cột của triều đình thường đến để bàn việc nước. Sách sử cho biết Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn đều đã đến điện Kính Thiên bàn bạc việc nước; các sứ thần Trung Quốc cũng đến gặp vua tại điện Kính Thiên; Nguyễn Huệ đã đến điện Kính Thiên để yết kiến vua; Quang Trung đã tổ chức đại lễ mừng chiến thắng tại điện Kính Thiên; vua Tự Đức đã từ Phú Xuân ra điện Kính Thiên để tiếp sứ thần Trung Quốc...

Như vậy là, từ thời Lê sơ về sau những hoạt động diễn ra ở điện Kính Thiên là khá thường xuyên và qua những hoạt động này cho thấy rõ công năng của điện Kính Thiên chính là nơi thiết triều.

Xây dựng điện Kính Thiên theo kiến trúc nào?

Sách vở ghi chép vừa không đầy đủ, chi tiết, mà công tác khảo cổ để tìm trong lòng đất mới chỉ là bước đầu còn rất ít ỏi nên việc trả lời cho câu hỏi phục hồi điện Kính Thiên theo mẫu thời nào là chưa đủ cơ sở. Bởi vậy, nên tổ chức tiếp tục thám sát khảo cổ học ở một vài vị trí nữa mà trước hết là trục thẳng từ Đoan Môn đến điện Kính Thiên bởi lẽ, hố đào thám sát gần đây nhất (năm 2000) tại khu vực Đoan Môn đã làm xuất lộ đoạn đường lát hoa chanh thời Lý - Trần trên trục này. Về kiến trúc điện Kính Thiên, thì như trên chúng tôi đã trình bày là tên điện Kính Thiên chính thức có từ thời Lê sơ, còn nếu tính việc thiết kế theo điện Càn Nguyên thì ở thời Lý, theo điện Thiên An thì ở thời Trần. Tuy nhiên, những dấu tích của kiến

(Xin xem tiếp trang 110)



Champa và vừa để cho nhân dân địa phương tiếp tục những hoạt động tôn giáo của mình./.

N.V.D

Chú thích:

- 1 - Ví dụ, khi viết về tháp Cánh Tiên, tôi đã dành 1 trang để nói về 2 pho tượng Hộ Pháp ở chùa Nhận Sơn. Xem: Ngô Văn Doanh: *Tháp cổ Champa, sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, HN, 1994, tr. 81.
- 2 - H. Parmentier, IC. I, Paris, 1909, Nhan Thap.
- 3 - J. Boisselier: *La Statuaire du Champa*, EFEO, Paris, 1963, tr. 271.
- 4 - *Đại Nam Nhất thống chí*, (bản dịch tiếng Việt), T.3, Nxb. Thuận Hoá, 1996, tr. 30, 50 - 51.
- 5 - J. Boisselier: *Sđd*, tr. 277 - 278, các hình 187 - 190.
- 6 - J. Boisselier: *Sđd*, tr. 326 - 327, các hình 222, 223 và 225.
- 7 - Có thể tham khảo: Ngô Văn Doanh, *Sđd*, tr.105.

(tiếp trang 106)

trúc điện Càn Nguyên thời Lý, cũng như điện Thiên An thời Trần là rất hiếm hoi nếu như không nói là khó mà tìm thấy. Bằng chứng tại chỗ hiển hiện của điện Kính Thiên còn sót lại là những con rồng và thành bậc thời Lê sơ cùng với một phần nền điện Kính Thiên. Điều đáng quan tâm nữa là ở Tây Kinh tức Lam Kinh Thanh Hoá, hệ thống chân tảng điện Kính Thiên thời Lê ở đây vẫn còn khá nhiều cũng là nguồn tư liệu tin cậy để tham khảo cho quá trình thiết kế điện Kính Thiên ở thành cổ Hà Nội.

Hơn nữa, trải hàng ngàn năm lịch sử, biết bao biến cố đổi thay của thời cuộc, mà kết quả bước đầu của công tác khảo cổ học ở khu vực Thành cổ đã cho thấy: Khu vực này di tích chồng lên di tích, lịch sử chồng lên lịch sử. Bởi vậy, việc phục dựng lại một công trình kiến trúc cổ ở một khu vực như thế, nhất là việc ghi chép về công trình khởi đầu và giai đoạn đầu (thời

Lý - Trần) của sách sử lại rất tản mạn, là rất khó khăn. Thế thì, có sao ta lại cứ phải đi tìm hình ảnh một công trình kiến trúc trong mờ ảo, trong khi đã có những chứng cứ vật chất (rồng, bậc thêm, nền điện) hiện hữu tại chỗ, những chân đá tảng đồng đại ở Lam Kinh và khá nhiều hình ảnh còn lưu trữ được về điện Kính Thiên đời Lê sơ mà chúng ta không dựa vào đó để phục dựng. Theo chúng tôi, phục dựng điện Kính Thiên theo kiến trúc thời Lê vừa có nhiều tư liệu làm chỗ dựa vừa có tính khả thi nhất.

Nếu điện Kính Thiên được phục dựng theo kiến trúc thời Lê thì phần nội thất vừa có phần giới thiệu chức năng của điện vừa phải có phần trưng bày bổ sung về giá trị của khu thành này từ trước Lý Công Uẩn và từ thời Lý Công Uẩn lại đây, đồng thời cần có một sa bàn tổng thể giới thiệu tổng quát sự hình thành và phát triển của thành cổ qua các thời kỳ lịch sử./.

H.G - N.D.T